

Bản án số: 27/2025/HS-ST

Ngày 04-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cường** và Bà **Danh Mỹ Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 09 năm 2025, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bảo Đầy E, sinh năm 1990; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Khóm L, phường A, tỉnh A; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Hoà Hảo; Con ông Nguyễn Bảo O (chết) và bà Trần Thị Mỹ L (chết); Vợ là Đinh Thị P Y, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án có 02 tiền án:

- Vào năm 2022 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng 02 ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 281/2022/HS-ST ngày 07/10/2022.

- Vào năm 2024 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 25/01/2024.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2017, năm 2020 và năm 2021 bị cáo đã 03 lần bị Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang ra quyết định xử lý hành chính

đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành tại Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2025 cho đến nay.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh An Giang. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thanh B, sinh ngày 25/5/1990; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: ấp H, xã T, tỉnh A; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hoàng T (chết) và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1968; Vợ là Đỗ Thị Thuỳ L, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2012.

Tiền án có 01 tiền án: Vào năm 2010 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2010/HS-ST ngày 29/11/2010.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2025 cho đến nay.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh An Giang. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1/ Anh **Dương Trí Th**, sinh năm 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh A

2/ Anh **Lê Văn U**, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, tỉnh A

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Hoàng N**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh A

Người làm chứng:

1/ Bà **Lâm Thị M**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh S

2/ Chị **Đặng Thị Quế C**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã G, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ ngày 28/3/2025, Nguyễn Bảo Đầy E đi bộ từ chợ Công Sự thuộc huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đến chợ Thứ 7 thuộc huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thì nảy sinh ý định trộm xe mô tô của người dân để làm phương tiện

di chuyển về thành phố Rạch Giá. Khi Đây E đến trước căn nhà thuộc ấp Bảy Xáng 2, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, Đây E thấy xe mô tô Honda Wave M đỏ đen xanh biển số đăng ký 68B1-000.59 của anh Lê Văn U đang đậu trước nhà không có người trông coi, chìa khóa để sẵn trên xe nên ĐÂY E lén đi đến chỗ đậu xe, ngồi lên và khởi động máy chạy về thành phố Rạch Giá. Trên đường đi, Đây E tháo biển số xe trên vứt xuống sông khi đến thành phố Rạch Giá thì nhặt được 01 biển số xe 68T1-102.53 rồi gắn vào Céc xe trên và dùng làm phương tiện đi lại.

Trên đường đi tiêu thụ tài sản mới trộm được, Đây E gặp Trần Thanh B nên xin ngủ nhờ. Đến khoảng 09 giờ, ngày 29/3/2025 Đây E rủ B đi trộm cắp tài sản thì B đồng ý. Đây E chạy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave M đỏ đen xanh, gắn biển số 68T1-102.53 chở B đi trên quốc lộ 80 rồi rẽ vào địa bàn tổ 9, ấp Tân Lợi, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Khi đến trước nhà của bà Lâm Thị M thì cả hai phát hiện xe mô tô Honda Future M trắng đen, biển số 68BA-107.53 của anh Dương Trí Th đang đậu trước nhà, chìa khóa để sẵn trên xe và không có người trông coi nên Đây E dừng xe lại để B đến lấy trộm xe. B đến dẫn chiếc xe trên ra đường, nổ máy xe chuẩn bị tẩu thoát thì bị bà M phát hiện và truy hô. Đây E và B điều khiển hai xe mô tô trên bỏ chạy đến địa bàn tổ 2, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì bị người dân bắt giữ, bàn giao cho Công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE F1 M trắng đen, biển kiểm soát 68BA-107.53, số máy JC98E0048307, số khung RLHJC7674RY041772 đã qua sử dụng có giá là 28.212.500 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 142/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Kiên Giang kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại JC432 WAVE M đỏ - đen - xanh, biển kiểm soát 68B1-000.59, số khung 4325BY037579, số máy JC43E5943050, đã qua sử dụng có giá là 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-KV3 ngày 14/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Bảo Đây E về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trần Thanh B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Bảo Đây E và Trần Thanh B. Sau

khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Nguyễn Bảo Đầy E và Trần Thanh B phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Bảo Đầy E** từ 03 năm đến 04 năm tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thanh B** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 68T1-102.53.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-An Giang.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Nguyễn Bảo Đầy E là đối tượng đã nhiều lần có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” vẫn chưa được xóa án tích. Vào khoảng 05 giờ, ngày 28/3/2025 Đầy E đi ngang qua ấp B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave M màu đen xanh biển số 68B1-000.59 của anh Lê Văn U đang đậu trước nhà không người quản lý nên lén lút lấy trộm. Tiếp đến

khoảng 09 giờ, ngày 29/3/2025, Nguyễn Bảo Đầy E rủ Trần Thanh B đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đầy E điều khiển xe vừa trộm được chở B đi đến ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện chiếc xe mô tô Honda Future màu trắng đen, biển số 68BA-107.53 của anh Dương Trí Th đang đậu trước nhà, quan sát thấy không người để ý nên cả hai lên lút lấy trộm xe thì bị người dân phát hiện bắt giữ.

Theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại JC432 WAVE M đỏ - đen - xanh, biển kiểm soát 68B1-000.59 của anh U có giá là 5.000.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE F1 Màu trắng đen, biển kiểm soát 68BA-107.53 của anh Th có giá là 28.212.500 đồng.

Đối Cẩu theo quy định pháp luật thì hành vi của Nguyễn Bảo Đầy E đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và hành vi của Trần Thanh B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Mặc dù nhận thức trước được hậu quả gây ra, thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật cố ý lấy trộm tài sản của bị hại với ý định bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này cho thấy, các bị cáo phạm tội khi có cùng 02 người trở lên và cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm nhưng do các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể mà chỉ rủ nhau đi trộm cắp nên đây là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Xét hành vi phạm của từng bị cáo HĐXX nhận thấy:

- Đối với bị cáo Đầy E, bị cáo nhận thức rõ trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, bởi bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” vẫn chưa được xóa án tích. Lẽ ra khi đã nhiều lần sai phạm được cán bộ quản giáo, giáo dục và khuyên răn bị cáo phải biết sửa sai làm lại cuộc đời sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà trái lại bị cáo cứ tiếp tục lao vào con đường phạm tội chỉ với hành vi trộm cắp. Do đó, trong lần phạm tội này bị cáo bị VKS nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” với tình

tiết tăng nặng định khung là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án nghiêm và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo B, bị cáo cũng nhận thức được lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn công lao động nên khi được Đầy E ngỏ ý đi trộm bị cáo liền đồng ý và cùng Đầy E lấy trộm xe của anh Th với ý định đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ nên hành vi này cần phải được xử lý nghiêm để phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nệm hình sự đối với các bị cáo:

4.2 Xét về tình tiết tăng nặng và nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Đầy E có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo B có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

4.3 Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra cho thấy, sau khi phạm tội bị cáo Đầy E đã tự nguyện, khắc phục bồi thường cho bị hại anh U số tiền 200.000 đồng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xem xét khi lượng hình là phù hợp.

Đối với số tiền 7.830.000 đồng bồi thường cho bị hại anh Dương Trí Th. Tại phiên tòa bị cáo B cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N xác định số tiền trên là do anh N tự nguyện khắc phục cho anh Th chứ bị cáo B không hề tác động gì đến anh. Đối chiếu theo quy định pháp luật thì bị cáo B không đủ điều kiện để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách Nệm dân sự:

6.1 Đối với bị hại anh Dương Trí Th: Do tài sản bị mất trộm anh Th đã được nhận lại, đồng thời số tiền anh yêu cầu bồi thường 7.830.000 đồng để sửa chữa lại

chiếc xe, đại diện gia đình bị cáo B là anh N đã khắc phục xong, anh Th không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

6.2 Đối với bị hại anh Lê Văn U: Anh U đã nhận lại chiếc xe bị mất và nhận 200.000 đồng tiền bồi thường sửa lại biển số xe bị mất từ bị cáo Đây E . Do anh U không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

6.3 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng N không yêu cầu bị cáo B trả lại số tiền 7.830.000 đồng mà anh đã đứng ra bồi thường cho bị hại nên HĐXX không xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 biển số xe 68T1-102.53. Trong quá trình điều tra xác định đây là biển số xe của ông Nguyễn Đình C1 do hiện nay ông C1 đã bán xe cho người khác chưa sang tên và ông cũng không có yêu cầu nhận lại biển số xe trên nên cần xử tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bảo Đây E và Trần Thanh B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Bảo Đây E 03** (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2025.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thanh B 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/3/2025.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy vật chứng đã được thu giữ trong vụ án theo Quyết định chuyển giao vật chứng số: 01/QĐ-VKS ngày 14/7/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn Bảo Đầy E và Trần Thanh B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3- An Giang
- Cơ quan cảnh sát Điều tra tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 3- An Giang;
- Phân trại tạm giam KV Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại và NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Văn Chiến